

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị mới Trung tâm phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, Quy hoạch đô thị và Quy hoạch khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 02/8/2005, Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Trung tâm phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột tại Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 03/6/2021 và Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 186/BC-SXD ngày 28/4/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 (trước đây gọi là Quy hoạch chi tiết xây dựng) Khu đô thị mới Trung tâm phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, với nội dung như sau:

1. Điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của UBND tỉnh:

**“5.2. Cơ cấu sử dụng đất:**

<b>STT</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I</b>	<b>Đất xây dựng các khu chức năng đô thị</b>	<b>215,25</b>	<b>71,75</b>
A	Đất xây dựng các khu chức năng thuộc đơn vị ở	200,00	66,67
1	Đất ở	115,80	38,60
-	<i>Nhà ở cải tạo, xen cấy</i>	<i>61,35</i>	<i>20,45</i>
-	<i>Nhà biệt thự</i>	<i>41,26</i>	<i>13,75</i>
-	<i>Nhà ở chung cư</i>	<i>13,19</i>	<i>4,40</i>
2	Đất công trình công cộng trong đơn vị ở	21,98	7,33
-	<i>Công trình giáo dục</i>	<i>10,55</i>	<i>3,52</i>
-	<i>Công trình y tế</i>	<i>0,36</i>	<i>0,12</i>
-	<i>Công trình thương mại</i>	<i>3,02</i>	<i>1,01</i>
-	<i>Công trình trụ sở hành chính</i>	<i>6,13</i>	<i>2,04</i>
-	<i>Công trình tôn giáo</i>	<i>1,92</i>	<i>0,64</i>
3	Đất cây xanh đơn vị ở	22,42	7,47
4	Đất giao thông đơn vị ở	39,80	13,27
<b>B</b>	<b>Đất xây dựng các khu chức năng phục vụ chung đô thị</b>	<b>15,25</b>	<b>5,08</b>
1	Trung tâm dịch vụ thương mại	5,29	1,76
2	Công trình công cộng đô thị	9,96	3,32
<b>II</b>	<b>Đất ngoài đơn vị ở</b>	<b>76,05</b>	<b>25,35</b>
1	Đất các cơ quan, trường chuyên nghiệp	7,60	2,53
2	Đất công nghiệp, kho tàng	4,42	1,47
3	Đất dự trữ	8,50	2,84
4	Đất công viên cây xanh, thể dục thể thao	28,50	9,50
5	Đất giao thông đối ngoại, bến, bãi đỗ xe	27,03	9,01
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>	<b>8,70</b>	<b>2,90</b>
<b>Tổng</b>		<b>300,00</b>	<b>100,00</b>

\* Các nội dung điều chỉnh, cụ thể: *Có phụ lục kèm theo.*

2. Các nội dung khác không điều chỉnh tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 02/8/2005 và Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** UBND thành phố Buôn Ma Thuột có trách nhiệm thông báo công khai nội dung điều chỉnh nêu trên, để nhân dân trong khu vực được biết, thực hiện và giám sát.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma

Thuật và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN(V-5).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Cảnh**

**Phụ lục**  
**VỀ CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 6 /2021*  
*của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

1. Phạm vi khu vực điều chỉnh: Tại khu đất công trình công cộng và hội trường tổ dân phố (ký hiệu 05), một phần khu đất ở chung cư (ký hiệu N1.1) và khu đất chợ (ký hiệu C7.2).

2. Nội dung điều chỉnh quy hoạch:

+ Điều chỉnh chức năng khu đất công trình công cộng và hội trường tổ dân phố (ký hiệu 05) diện tích khoảng 0,2ha thành đất công trình công cộng (chợ Chi Lăng, ký hiệu 05);

+ Điều chỉnh chức năng khu đất ở chung cư (ký hiệu N1.1) diện tích khoảng 3,20ha thành: Đất ở chung cư (ký hiệu N1.1) diện tích khoảng 3,03ha và đất công trình trụ sở hành chính (hội trường tổ dân phố, ký hiệu 11) diện tích khoảng 0,17ha;

+ Điều chỉnh đất công trình thương mại (chợ, ký hiệu C7.2) diện tích khoảng 0,31ha thành đất công trình giáo dục (mở rộng nhà trẻ mẫu giáo; gộp chung vào khu đất ký hiệu C8.3)/.